

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.19	-0.03	0.15	0.00	3Y	0.77	0.004
1W	1.61	-0.07	0.20	0.00	5Y	0.94	0.009
2W	1.87	-0.08	0.24	0.01	7Y	1.35	-0.006
1M	2.16	-0.12	0.31	0.00	10Y	2.10	-0.007
2M	2.34	-0.06	0.39	0.00	15Y	2.40	0.003
3M	2.47	-0.01	0.49	0.00			
6M	2.56	-0.04	0.77	0.01			
9M	2.63	-0.05	1.07	-0.03			
1Y	3.08	-0.07	1.16	-0.02			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành	
12-01-22	1	14	2.50	5,000	-	109.39	-	109.39	10,426.54
11-01-22	1	14	2.50	5,000	-	-	-	-	10,535.93
10-01-22	1	14	2.50	5,000	-	1.78	-	1.78	10,535.93

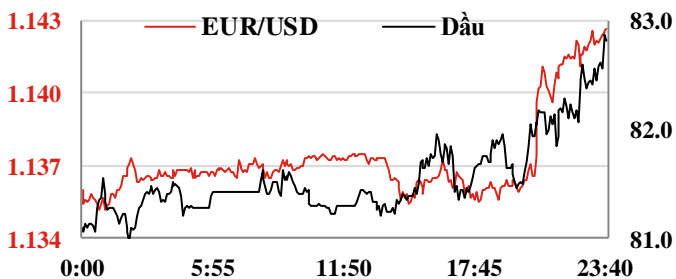
Thị trường TPCP sơ cấp

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	đơn vị: tỷ đồng			
			KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	12-Jan-22	7	500	0	0.00%	0.00%
MOF	12-Jan-22	10	2500	1935	2.08%	0.01%
MOF	12-Jan-22	15	2500	1500	2.36%	0.01%
MOF	12-Jan-22	30	1500	1500	2.96%	0.00%
Tổng			7000	4935		

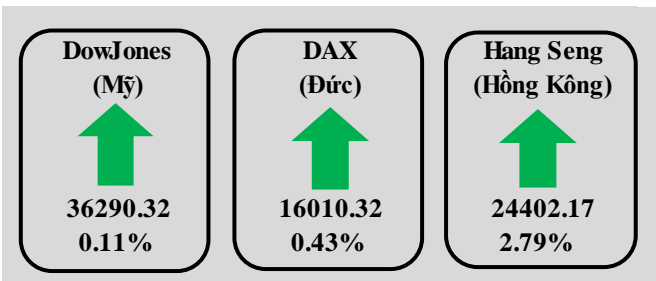
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1510.51	473.64	114.19
%/ngày	1.22%	-1.65%	-0.31%
%/31/12/2021	0.82%	-0.1%	1.3%
KLGD (tr.đ.vị)	1130.82	135.12	108.1
GTGD (tỷ đ)	35708.97	4383.74	2249.17
NDINN mua (tỷ đ)	1839.11	42.29	1.53
NDINN bán (tỷ đ)	1415.40	7.14	0.26

**Tin trong nước ngày 12/01**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 12/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.110 VND/USD, tăng 05 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.650 VND/USD và 23.150 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.698 VND/USD, giảm 07 đồng so với phiên 11/01. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở chiều mua vào trong khi giảm 40 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.540 VND/USD và 23.580 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 12/01, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,03 – 0,12 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,19; 1W 1,61%; 2W 1,87 và 1M 2,16%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 2W, giao dịch tại: ON 0,15; 1W 0,20%; 2W 0,24%, 1M 0,31%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn 7Y và 10Y, tăng ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 0,77%; 5Y 0,94%; 7Y 1,35%; 10Y 2,10%; 15Y 2,40%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, có 109,39 tỷ đồng đáo hạn trong phiên. Như vậy, NHNN hút ròng 109,39 tỷ đồng từ thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh này giảm xuống mức 10.426,54 tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 12/01, KBNN huy động thành công 4.935/7.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 71%). Trong đó, kỳ hạn 10 năm huy động được 1.935/2.500 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động 1.500/2.500 tỷ đồng, kỳ hạn 30 năm huy động toàn bộ 1.500 tỷ đồng, kỳ hạn 7 năm đầu thầu thất bại. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tại 2,08%/năm (+0,01%); kỳ hạn 15 năm tại 2,36%/năm (+0,01%); kỳ hạn 30 năm không đổi tại 2,96%/năm.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, các nhà đầu tư tháo chạy khỏi cổ phiếu đầu cơ, tuy nhiên, nhóm dầu khí, ngân hàng, chứng khoán đã nỗ lực đỡ đỡ thị trường. Kết phiên, VN-Index tăng 18,20 điểm lên 1.510,51 điểm (+1,22%); HNX-Index giảm 7,97 điểm (-1,65%) xuống 473,64 điểm; UPCoM-Index giảm 0,35 điểm (-0,31%) xuống 114,19 điểm. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt gần 42.300 tỷ VND. Khối ngoại tiếp tục mua ròng hơn 460 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Trong báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu của Ngân hàng Thế giới WB phát hành tháng 1/2022,** WB dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng 5,5% trong năm 2022 và sẽ tăng lên mức 6,5% trong năm 2023. Theo dự báo của Ngân hàng Standard Chartered, kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi mạnh trong năm 2022 với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,7%. Ngân hàng này nâng dự báo cho năm 2023 lên 7% và nhận định Việt Nam tiếp tục có triển vọng tích cực trong trung hạn.



	12 Jan 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	94.92	-0.74%	-1.31%	-1.10%
USD/CNY	6.36	-0.24%	-0.09%	0.09%
USD/EUR	0.87	-0.68%	-1.13%	-0.65%
USD/JPY	114.63	-0.56%	-1.27%	-0.39%
USD/KRW	1185.87	-0.54%	-1.03%	-0.18%
USD/SGD	1.35	-0.35%	-0.88%	-0.25%
USD/TWD	27.65	-0.07%	0.14%	-0.23%
USD/THB	33.30	0.00%	0.33%	0.21%
USD/VND Trung tâm	23110	0.02%	-0.12%	-0.15%
USD/VND LNH	22698	-0.03%	-0.27%	-0.41%
USD/VND tự do	23540	-0.13%	0.17%	0.38%
Vàng	1825.32	0.18%	0.87%	-0.17%
Dầu	82.64	1.75%	6.15%	9.88%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR		SOFR	
	USD	TĐ	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0773	-0.0001				
SW	0.0000	0.0000				
1M	0.1101	-0.0029	0.3000	0.0000	0.0497	0.0000
2M	0.0000	0.0000				
3M	0.2384	-0.0060	0.4374	0.0000	0.0491	0.0000
6M	0.3837	-0.0024	0.5932	0.0000	0.0496	0.0000
1Y	0.6991	0.0036	0.0000	0.0000		

Số liệu SIBOR ngày 11/01/2022

### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	25/01/2022
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/02/2016	03/02/2022
Anh	GBP	0,10%	0,25%	16/12/2021	03/02/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/01/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/02/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

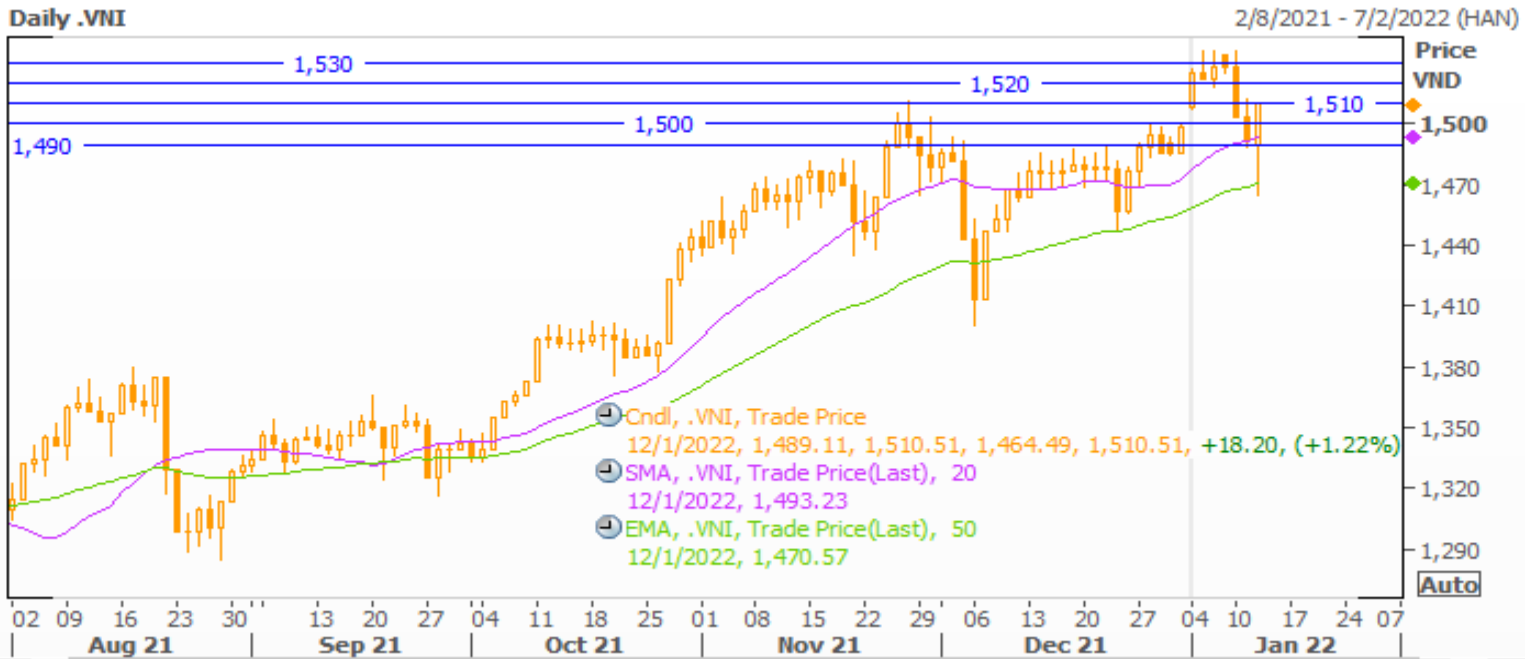
## Tin quốc tế

- Áp lực lạm phát tại Mỹ tiếp tục tăng mạnh trong tháng cuối năm 2021.** Cơ quan Thống kê Lao động Mỹ cho biết CPI toàn phần và CPI lõi tại nước này lần lượt tăng 0,5% và 0,6% m/m trong tháng 12, nối tiếp mức tăng 0,8% và 0,5% của tháng 11, đồng thời vượt qua mức tăng 0,4% và 0,5% theo dự báo của các chuyên gia. So với cùng kỳ năm 2021, CPI toàn phần và CPI lõi của nước Mỹ đã lần lượt tăng tới 7,0% và 5,5% trong tháng vừa qua. Các yếu tố làm CPI tăng mạnh chủ yếu vẫn là sự thiếu hụt nguồn cung, trong bối cảnh thị trường có nhu cầu rất lớn để phục hồi toàn diện. Các quan chức Fed hiện vẫn đang quan sát rất chặt chẽ các yếu tố về lạm phát, và có khả năng sẽ sớm tăng LSCS trở lại trong tháng 3 năm nay.
- Sản lượng công nghiệp tại Châu Âu tạm thời cho thấy sự tích cực.** Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu cho biết sản lượng công nghiệp tại Eurozone tăng 2,3% m/m trong tháng 11 sau khi giảm 1,3% ở tháng 10, vượt rất nhiều so với mức tăng chỉ 0,1% theo dự báo. Mặc dù vậy, so với cùng kỳ năm 2020, sản lượng công nghiệp tại Eurozone vẫn giảm 1,3%. Tại khu vực Liên minh Châu Âu EU, sản lượng công nghiệp trong tháng 11 lần lượt tăng 2,5% m/m và giảm 0,8% y/y. Eurostat cảnh báo sản lượng công nghiệp theo tháng có thể quay đầu giảm trong những tháng đầu năm 2022 do sự phức tạp của dịch bệnh. Nhiều công ty tại Eurozone đang chật vật xử lý cùng lúc nhiều bài toán khó bao gồm giá cả nguyên vật liệu và nguồn nhân lực.
- CPI tại Trung Quốc giảm tốc mạnh trong tháng vừa qua.** Tổng cục Thống kê Trung Quốc cho biết CPI của nước này tăng 1,5% y/y trong tháng 12, thấp hơn khá nhiều so với mức tăng 2,3% của tháng trước đó và đồng thời thấp hơn mức tăng 1,7% theo dự báo. Các chuyên gia nhận định các biện pháp cứng nhắc của Chính phủ Trung Quốc trong phòng chống Covid đang gây ra nhiều vấn đề vĩ mô nghiêm trọng. Việc các chính sách này không sớm được nới lỏng có thể ảnh hưởng lớn tới tốc độ hồi phục kinh tế của Trung Quốc trong năm 2022. Bên cạnh đó, một số ý kiến cho rằng lạm phát ở mức thấp có thể khiến NHTW Trung Quốc PBOC tiếp tục phải cắt giảm tỷ lệ DTBB và thậm chí cắt giảm LSDH trong thời gian tới.

### Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
12-01	17:00	*	Sản lượng công nghiệp Eurozone mm T11	2.3	0.1	-1.3
12-01	20:30	***	CPI toàn phần Mỹ mm T12	0.5	0.4	0.8
12-01	20:30	***	CPI lõi Mỹ mm T12	0.6	0.5	0.5
13-01	20:30	***	PPI toàn phần Mỹ mm T12		0.4	0.8
13-01	20:30	**	PPI lõi Mỹ mm T12		0.5	0.7
13-01	20:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ w	199K	207K	

## VN-INDEX



VN-Index tăng tích cực lên mức 1510,51 điểm. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

Nguỡng hỗ trợ: 1.500 – 1.490

Nguỡng kháng cự: 1.520 – 1.530

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)